

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2023/HS-ST

Ngày: 08/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Khỏe, bà Hoàng Thu H.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thị Na - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 120/2023/TLST-HS ngày 14/7/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2023/QĐXXST-HS ngày 25/7/2023, đối với các bị cáo:

1. Đào Văn T, sinh năm 1991; ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu V, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Đào Xuân B và bà Đoàn Thị H; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Bản án số 242/2009/HSST ngày 16/12/2009, Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội Trộm cắp tài sản (nộp án phí ngày 05/5/2010).

Bản án số 19/2015/HSST ngày 26/02/2015, Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 18 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/5/2016 và nộp án phí ngày 02/6/2015).

Bản án số 153/2018/HSST ngày 21/8/2018, Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 16 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/9/2019 và nộp án phí ngày 19/10/2018).

Quyết định xử phạt vi phạm Hình chính số 35/QĐ-XPVPHC ngày 18/01/2017, Công an huyện N xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về Hình vi tàng trữ trái phép chất ma túy (nộp phạt ngày 19/01/2017).

Quyết định số 52/QĐ-XPHC ngày 20/02/2020, Công an huyện N xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc (nộp phạt ngày 28/02/2020).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/4/2023 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Văn H**, sinh năm 1994; ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Lê Văn K và bà Phạm Thị L; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ là Hoàng Thị D; Có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án: Không.

Tiền sự: Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 22/3/2023, UBND xã Q quyết định cho cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

Nhân thân: Bản án số 104/2019/HSST ngày 31/5/2019, Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 25 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (chấp hành xong hình phạt ngày 06/02/2021 và nộp án phí ngày 12/8/2019).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/4/2023, chuyển tạm giam từ ngày 11/4/2023 đến nay tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng: Anh Lê Văn H, sinh năm 1994; Ông Lê Văn C, sinh năm 1969. Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 12 giờ ngày 06/4/2023, Đào Văn T điện thoại zalo cho Lê Văn H bảo H đi ra khu vực T, phường A, thành phố H để có việc. Khi H đến thì T bảo H đi xe ôm ra quán nước ở chân cầu 789 thuộc khu vực phường A, thành phố H cùng T. Tại quán nước, H đứng bên ngoài, T đi vào trong quán nước gặp đối tượng tên D ở huyện Gia Lộc (theo lời khai nhận của Đào Văn T), D hỏi mua của T 3gam ma túy đá, D và T thống nhất mua ma túy với số tiền 2.800.000đồng. T cầm tiền đi ra đưa cho H nói “cầm hộ anh 2.800.000 đồng”. Sau đó T và H đi xe ôm quay lại khu vực T, phường A, thành phố H. Trên đường đi, T nói với H “đưa lại cho anh 500.000 đồng, số tiền còn lại mua ma túy về anh em cùng sử dụng”. Khi đến quán ăn ở khu vực T, T xuống xe, H đi xe ôm về cây đa thuộc thôn C, xã T, thành phố H, người xe ôm đi đâu thì H không biết. Tại đây, H gặp và mua của một nam thanh niên (không biết họ tên, tuổi và địa chỉ cụ thể) một túi ma túy đá với số tiền 2.500.000đ, (trong đó có số tiền 2.300.000đ là tiền T đưa và H tự bỏ thêm 200.000đ để mua ma túy về cùng sử dụng). H cầm ma túy đi về nhà bạn là Lê Văn H1. Do hết pin điện thoại nên H cầm sạc điện thoại ở nhà H1, một lúc sau T gọi điện cho H và nói “mày đang ở đâu đưa ma túy cho anh để anh đưa cho em anh”. H trả lời “em không biết”. Đến khoảng 16h00’ cùng ngày khi H và H1 đang ngồi chơi trong phòng ngủ tầng 2 nhà của H1 thì tổ công tác của Đội CSĐTTP về ma

túy, Công an thành phố H kết hợp Công an xã Q, thành phố H làm nhiệm vụ kiểm tra. H đã thả túi ma túy đá qua cửa sổ phòng ngủ tầng 2 xuống đất. Tổ công tác thu giữ tại vị trí dưới đất ngay sát chân tường nhà H1 01 túi nilon màu trắng, kích thước (3x5)cm, bên trong có chứa chất tinh thể dạng cục màu trắng. Đó là túi ma túy đá của H cất giấu mục đích để sử dụng. Tổ công tác còn thu giữ của H 01 điện thoại Iphone 7, màu đen, gắn sim số 0777087947. Việc H cất giấu ma túy H1 không biết. Quá trình bắt giữ có sự chứng kiến của anh Lê Văn H1 và ông Lê Văn C.

Tại cơ quan điều tra, Đào Văn T đã tự giao nộp số tiền 287.000đ, đó là số tiền T bán ma túy hưởng lợi mà có và 01 điện thoại Oppo màu đen gắn sim số 0911.870.214.

Kết luận giám định số 217/KL-KTHS ngày 09/4/2023, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương, kết luận: Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng trong túi nilon màu trắng được niêm phong trong phong bì ghi thu của Lê Văn H, gửi đến giám định khối lượng là: 3,492g là ma túy, loại Methamphetamine. Methamphetamine nằm trong Danh mục IIC, STT: 247, Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

Kết luận giám định số 84/KL-KTHS ngày 22/5/2023, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương, kết luận: 02 tờ tiền polyme mệnh giá 100.000đ số (ký hiệu A1, A2) là tiền thật; 04 tờ tiền polyme mệnh giá 20.000đ (ký hiệu A3-A6) là tiền thật; 01 tờ tiền polyme mệnh giá 5.000đ (ký hiệu A7) là tiền thật; 02 tờ tiền polyme mệnh giá 1.000đ (ký hiệu A8,A9) là tiền thật.

Biên bản xét nghiệm phát hiện chất ma túy trong nước tiểu đối với Lê Văn H ngày 06/4/2023 và Đào Văn T ngày 07/4/2023, kết luận: Dương tính, trong nước tiểu Lê Văn H, Đào Văn T có chất ma túy Methamphetamine.

Về vật chứng: 01 phong bì niêm phong số 217/KL-KTHS của Phòng PC09, Công an tỉnh Hải Dương là mẫu vật hoàn lại sau giám định bên trong gồm 3,395g ma túy loại Methamphetamine; 01 vỏ túi nilon màu trắng và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi đến giám định; 01 điện thoại Iphone 7 màu đen, lắp sim số 0777087947; 01 điện thoại Oppo màu đen lắp sim số 0911.870.214; 01 phong bì niêm phong số 84/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương bên trong có số tiền 287.000đ đang được quản lý tại kho vật chứng chi cục Thi Hành án dân sự tHnh phố H.

Tại Cáo trạng số 119/CT-VKSTPHD, ngày 13/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo Đào Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự, bị cáo Lê Văn H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đào Văn T, phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Lê Văn H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T; điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H, khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Xử phạt bị cáo Đào Văn T từ 05 năm tù đến 05 năm 03 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 11/4/2023). Xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 42 tháng tù đến 45 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ (ngày 06/4/2023). Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 3,395g Methamphetamine hoàn lại sau giám định, 01 vỏ túi nilon màu trắng, 01 vỏ phong bì niêm phong trong phong bì số 217/KL - KTHS của Phòng PC09, Công an tỉnh Hải Dương, 01 sim điện thoại của T; Tịch thu sung quỹ NH nước số tiền 287.000đ (Hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng) được đựng trong phong bì niêm phong số 84/KL-KTHS của phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hải Dương. Truy thu của bị cáo D số tiền 213.000đ (Hai trăm mười ba nghìn đồng) sung quỹ nhà nước. Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại Oppo màu đen của bị cáo T. Trả lại bị cáo Lê Văn H 01 điện thoại Iphone 7 màu đen, lắp sim số 0777087947; Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hnh vi, quyết định Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ xác định các bị cáo có tội: Lời khai của bị cáo Đào Văn T và Lê Văn H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 06/4/2023 tại khu vực quán nước ở chân cầu 789 thuộc phường A, thành phố H, Đào Văn T đã có hành vi đưa cho Lê Văn H số tiền 2.300.000 đồng để mua 3,492g ma túy loại Methamphetamine, mục đích bán cho đối tượng tự khai tên Dũng với số tiền 2.800.000 đồng nhưng nói với H là mua về để anh em cùng sử dụng. Sau khi nhận tiền của T, H đi xe ôm đến khu vực cây đa thôn C, xã T, thành phố H gặp và mua được của một người đàn ông không quen biết 01 gói ma túy trên với số tiền 2.500.000đ (trong đó có 2.300.000đ T đưa và H bỏ ra 200.000đ). Sau khi mua được số ma túy trên H về nhà bạn là anh Lê Văn H1, ở thôn H, xã Q, thành phố H chơi. Đến 16 giờ cùng ngày tại phòng ngủ tầng 2 nhà

của Lê Văn H, khi Lê Văn H đang cất giấu trái phép 3,492g ma túy loại Methamphetamine mục đích để cùng Đào Văn T sử dụng thì bị bắt quả tang, thu giữ cùng vật chứng.

Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm vào chính sách độc quyền về quản lý chất ma túy của nhà nước. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được ma túy là chất gây nghiện bị nhà nước cấm sản xuất, quản lý, mua bán và sử dụng nhưng vì ý thức coi thường pháp luật nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo T nhờ H mua ma túy về mục đích bán cho đối tượng tên D nên đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo H mua ma túy mục đích để sử dụng nên đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ.

[3]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T đã 03 lần bị kết án và hai lần bị xử phạt vi phạm Hành chính, bị cáo H đã một lần bị kết án nhưng đều đã được xóa nên không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng thể hiện các bị cáo có nhân thân không tốt. Bị cáo H ngày 22/3/2023, bị UBND xã Q áp dụng biện pháp xử lý Hành chính cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng tại Quyết định số 42/QĐ-UBND nên quyết định này được xác định là tiền sự đối với bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã tHnh khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo T có bố để được tặng thưởng huân chương nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Cần nhắc tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng một hình phạt nghiêm tương xứng với Hành vi phạm tội của các bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt biết tôn trọng, chấp hành pháp luật và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5]. Về vật chứng: Đối với 3,395g Methamphetamine hoàn lại sau giám định là chất cấm lưu hành; vỏ túi nilon màu trắng, vỏ phong bì, 01 sim điện thoại của T là vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy. Đối với số tiền 500.000đ là tiền do phạm tội mà có cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Số tiền này T đã chi tiêu hết 213.000đ. Cơ quan điều tra đã thu giữ được 287.000đ. Do vậy cần tịch thu 287.000đ sung quỹ nhà nước. Truy thu của T 213.000đ sung quỹ nhà nước. Đối với 01 điện thoại Oppo màu đen thu giữ của T sử dụng vào việc liên hệ mua bán trái phép chất ma túy nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Đối

với 01 điện thoại Iphone 7 màu đen lắp sim số 077708947 thu giữ của H không trực tiếp sử dụng vào việc tàng trữ trái phép chất ma túy nên trả lại cho bị cáo H.

[6]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7]. Về vấn đề khác: Quá trình điều tra không làm rõ được người đã bán trái phép chất ma túy cho H, đối tượng tự khai tên D nhà ở huyện G là người mua ma túy của T. Đối với Lê Văn H1 không biết H cất giấu ma túy ở nhà H1 nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đào Văn T; Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn H; khoản 1 Điều 38, điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Đào Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Đào Văn T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 11/4/2023).

2.1. Xử phạt bị cáo Lê Văn H 45 (bốn mươi lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 06/4/2023).

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 3,395g Methamphetamine hoàn lại sau giám định, 01 vỏ túi nilon màu trắng, 01 vỏ phong bì niêm phong trong phong bì số 217/KL- KTHS của Phòng PC09, Công an tỉnh Hải Dương, 01 sim điện thoại của T.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 287.000đ (Hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng) được đựng trong phong bì niêm phong số 84/KL-KTHS của phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hải Dương.

- Truy thu của bị cáo D số tiền 213.000đ (Hai trăm mười ba nghìn đồng) sung quỹ NH nước.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại Oppo màu đen của bị cáo T.

- Trả lại bị cáo Lê Văn H 01 điện thoại Iphone 7 màu đen, lắp sim số 0777087947.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tHnh phố H và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H ngày 18/7/2023).

4. Về án phí: Buộc Đào Văn T và Lê Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/8/2023)./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND thành phố H;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT- Công an TP H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan HSNV Công an TP H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan